TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **19**/2026/HS-PT	
Ngày: 14 - 01 - 2026	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quốc Hà, ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 332/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025. Do có kháng cáo của các bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T, Nguyễn Đình Hồng P1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Văn Đình P**, tên gọi khác: Nồ; Sinh ngày 05/6/1994 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 1 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Đình T1, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Q (chết); có vợ là Trần Như Q1, sinh năm 2004 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/4/2019, bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Bị cáo chưa nộp tiền).

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2/ **Lê Minh T**; Sinh ngày 08/6/1993 tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú: thôn N, xã A, Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: 0 P, phường T, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1969 và bà Võ Thị Kim L1, sinh năm 1970; có vợ là Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1994 và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3/ **Nguyễn Đình Hồng P1**; Sinh ngày 26/11/1998 tại thành phố H; Nơi thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L2, sinh năm 1962 và bà Lê Thị H, sinh năm 1963; có vợ là Võ Thị Cẩm T2, sinh năm 2000 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Văn Đình P:* Ông Lý Mạnh D1 – Luật sư, Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư P2. Địa chỉ: B D, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T:* Ông Nguyễn Hữu T3 – Luật sư, Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư T7; Địa chỉ: Phòng A, Lầu B, D X, TP ., có mặt.

*** Bị hại:** Ông Lê Hoài T4, sinh năm: 1997; Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn Đình P và Lê Hoài T4 là nhân viên an ninh tại quán Bar S, trong quá trình cùng làm việc xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 19 giờ ngày 18/12/2023, P đến nơi làm việc tại quán Bar S ở địa chỉ số D đường Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk, thấy T4 cùng Võ Ngọc T5 và Huỳnh Thế N đứng ở đường Đ trước quán BaS. P nghi ngờ Tin dẫn người đến đánh P nên P gặp và nói với Lê Minh T và Lê Kim H1 (nhân viên an ninh) rằng Tin dẫn người đến đánh P. Lúc này, P, T và H1 thấy N ở khu vực hồ bơi, T đi ra gặp N, P và H1 đi theo sau. T hỏi N đi đâu đây, N không nói gì và dùng tay phải lấy dao bấm trong túi quần đâm một nhát trúng tay trái của T thì T hô lớn "Nó có dao", N bỏ chạy, hai tay T cầm gạch lát nền cùng với P và H1 đuổi theo N nhưng không kịp. Nghi lên xe mô tô của một người thanh niên không rõ lai lịch chở đi. Cùng vào thời điểm N bị rượt đuổi, Nguyễn Đình Hồng P1 (nhân viên an ninh) đang đứng ở lề đường chạy vô trong lấy 01 cây inox dài khoảng 70cm, đường kính khoảng 02cm chạy ra mục đích để giúp T, P. P thấy T4 đang điều khiển xe mô tô biển số 78C1-581.13, P chạy đến dùng tay nắm ba ga sau xe 78C1-581.13 kéo lại làm Tin cùng xe ngã xuống đường, P dùng tay trái nắm cổ áo Tin, tay phải đeo nắm đấm gấu đấm 03 cái vào vùng mặt Tin gây thương tích, Tin dùng hai tay ôm che mặt. T quay lại thấy P đang đánh Tin, T vào bên trong lấy 01 cây tuýp sắt dài khoảng 120cm, đường kính khoảng 2,7cm chạy đến đánh 01 cái vào chân và 01 cái vào vùng đầu của T gây thương tích. P1 cầm cây inox thấy P và T đánh T4 liền chạy đến dùng chân phải đá 01 cái trúng vào mặt của T4, T4 vùng vẫy bỏ chạy và đến Công an báo cáo sự việc.

Kết luận giám định thương tích số 26 ngày 24/01/2024 và số 54 ngày 15/02/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: tỉ lệ thương tích của Lê Hoài T4 là 16% và tỉ lệ thương tích của Lê Minh T là 01%, đều do vật có cạnh tác động.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T và Nguyễn Đình Hồng P1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Văn Đình P 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Về kháng cáo:**

Ngày 06/10/2025, bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1, Văn Đình P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 07/10/2025, bị cáo Lê Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo và đồng thời khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Văn Đình P 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Văn Đình P trình bày: Nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội do xuất phát từ việc mâu thuẫn từ trước đó, đồng thời cũng do nhóm của bị hại đến gây sự, đánh nhau với nhóm của bị cáo P nên việc các bị cáo đánh lại là phòng vệ chính đáng và không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ. Khi thấy bị cáo T đánh bị hại T6 thì bị cáo P đã can ngăn. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo P đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về vấn đề cấp sơ thẩm cho rằng trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo P khai báo gian dối là không đúng mà thực tế do bị cáo thiếu hiểu biết về pháp luật, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo là lao động chính và hiện nay chịu ảnh hưởng nặng nề do cơn bão số 13 gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm tù có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, xét về nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện tội phạm là do một phần lỗi của bị hại Huỳnh Thế N đã dùng dao đâm vào tay của bị cáo T

trước mà trước đó bị cáo T không có gây sự với N. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Hiện nay, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo bị bệnh nặng nên hoàn cảnh rất khó khăn; đồng thời bị cáo có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bội luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không bổ sung gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, vì hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ bị cáo mới sinh, con nhỏ nên không ai chăm sóc.

Qua tranh luận, đối đáp các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo Văn Đình P với anh Lê Hoài T4 nên vào khoảng 19 giờ ngày 18/12/2023, tại khu vực quán Bar S ở số D đường Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk, sau khi Huỳnh Thế N dùng dao đâm 01 nhát vào tay bị cáo T bị thương tích 01% thì ngay sau đó Văn Đình P, Lê Minh T và Nguyễn Đình Hồng P1 đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đánh và dùng chân đá gây thương tích cho anh Lê Hoài T4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16%. Hành vi của các bị cáo bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Văn Đình P 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 01 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và đã bồi thường cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, xét về nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội thì thấy có một phần do lỗi của nhóm bị hại, cụ thể khi bị cáo T đi ra gặp N ở hồ bơi của quán Bar S, T hỏi N đi đâu thì N không nói gì và dùng tay phải lấy dao bấm trong túi quần đâm một nhát trúng tay trái của T gây thương tích nên ngay sau đó nhóm của bị cáo P, T và P1 mới đánh lại nhóm của T6, N. Về tình tiết này chưa được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng là thiếu sót và đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo nên có cơ sở xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò hạn chế nhất chỉ dùng chân đá một cái vào người bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo P, T và P1, đồng thời cho bị cáo P1 được hưởng án treo là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T, Nguyễn Đình Hồng P1, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk về phần hình phạt của các bị cáo.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T và Nguyễn Đình Hồng P1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Văn Đình P** 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Minh T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.3] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình Hồng P1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình Hồng P1 cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo P1 trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo P1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù

của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Văn Đình P, Lê Minh T, Nguyễn Đình Hồng P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TPT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNVCA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06CA tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr